

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2025
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Thanh Xuân**, Cán bộ Hưu trí xã Tân
Lạc.

Bà **Đinh Thị Phong**, Cán bộ hưu trí.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Quang Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2025/TLST- HNGĐ ngày 09/9/2025 về “*Ly hôn*,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HN&GD, ngày 26/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐHPT ngày 22/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị NQ**, Sinh năm 1996.

Trú tại: Khu TP, xã TL, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn H** sinh năm 1994.

Trú tại: Khu TP, xã TL, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt thứ lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 09/9/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị NQ trình bày:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn tháng 2/2017 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Sau kết hôn, anh H ở rể và vợ chồng sống chung cùng ông bà Ngoại tại khu TP, thị trấn MĐ, huyện TL, Hòa Bình (*Nay là khu TP, xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh H không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con. Vợ chồng khác biệt về quan điểm sống. Chị Q đã nhiều lần nhỏ to khuyên giải để anh H biết quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con nhưng anh H không có chuyển biến gì. Vì thế vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã khiến cuộc sống chung hết sức nặng nề. Ở được khoảng 05 năm đến năm 2021, do mâu thuẫn giữa vợ chồng và mâu thuẫn với gia đình nhà Ngoại, anh H không nói gì mà tự ý bỏ đi: Đi đâu, làm gì không ai biết, không thông tin hỏi thăm gia đình, vợ con không có một chút trách nhiệm gì đến gần tết năm 2022 mới về và cũng không giải thích,

không xin lỗi; vợ chồng mâu thuẫn nặng nề và sống ly thân từ đó đến nay. Thất vọng về chồng, nhưng chị vẫn chăm lo tốt cho chồng con hy vọng cùng với thời gian anh H sẽ sửa đổi để cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc hơn nhưng anh H vẫn vậy - cuộc sống vợ chồng không có gì cải thiện ; Chị cho rằng anh Trần Văn H có đến Tòa thể hiện quan điểm bằng bản tự khai nhưng những lần làm việc tiếp theo, Tòa báo, anh H đã nhận và biết có giấy báo của Tòa, biết về thời gian địa điểm làm việc nhưng cứ khất lần không chịu đến Tòa giải quyết mà cố tình trốn tránh và gây khó khăn cho chị; Dù về lý, chị và anh H là vợ chồng nhưng chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Bởi cả hai đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau. Theo quy định của pháp luật: Khi giải quyết ly hôn buộc phải có mặt cả hai vợ chồng nhưng bởi anh H không chịu hợp tác, cố tình trốn tránh để gây khó khăn cho chị.

Nhận thấy: Có cô kéo dài thì cũng không còn cơ hội để có một gia đình hạnh phúc; Tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị làm đơn xin ly anh Trần Văn H để giải phóng cho nhau. Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có 01 con chung là Trần KL, sinh 11/7/2017. Khi ly hôn: Chị Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu KL và yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung với mức 4.000.000đ/tháng- Bởi anh H làm lái xe thuê và đủ điều kiện đóng góp; Về tài sản chung - Công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Q xin tự nguyện chịu toàn bộ. Về tài sản chung - Công nợ chung : Không có. Về án phí : Chị Q xin tự nguyện chịu.

2. Vì phía bị đơn anh Trần Văn H đã nhận được các thông báo theo quy định của pháp luật; Toà thông qua điện thoại có gặp, thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ cho anh; anh cũng đã đến Tòa thể hiện quan điểm và thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong đó có cả phần lỗi của chị Q ; anh đã khuyên giải để chị Q sửa đổi để không ỷ lại việc quán xuyến gia đình, chăm lo con cái cho ông bà Ngoại và biết quan tâm chăm sóc tốt cho chồng con nhằm vun đắp tình cảm vợ chồng, không muốn gia đình tan vỡ nhưng chị Q không thay đổi lại làm đơn xin ly hôn anh vì thế anh không muốn níu kéo nữa mà đồng ý Ly hôn để giải phóng cho nhau. Về con chung thì đúng như chị Q trình bày: Vợ chồng có một con và vì con còn nhỏ anh rất thương con, chị Q bỏ con lại cho ông bà Ngoại tự đi làm không quan tâm đến con; Hơn nữa, trước bà Ngoại còn ở nhà thì chăm con rất tốt nhưng nay bà đi làm thuê ở Hà Nội, chị Q đi làm thu nhập không đáng kể; con không ai trông; môi trường giáo dục nhà ngoại không tốt, không đảm bảo nuôi dạy cháu. Nhưng chị Q lại muốn nuôi con anh không đồng ý và nếu ly hôn anh xin nuôi cháu KL, anh sẽ đưa con về quê Nội sinh sống: Ở đó anh có nhà cửa, có môi trường tốt và anh có việc làm, có thu nhập đảm bảo cho con có cuộc sống và phát triển tốt, anh không yêu cầu chị Q đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung - công nợ chung : Không có;

Tuy nhiên, khi được yêu cầu đến Toà làm việc đúng ngày giờ thì anh H không đến. Vì anh H cố tình trốn tránh nên chị Q đã có đơn đề nghị Tòa không cần tiến hành thủ tục cho giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nữa mà điều tra xác minh và đưa vụ án ra xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh H theo đúng pháp luật.

Để giải quyết vụ án, Tòa đã tiến hành tổng đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa, anh H không có mặt, không có lý do. Vì thế phiên tòa lần thứ nhất đã phải hoãn. Tòa cũng đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử tiếp theo và quyết định này cũng được tổng đạt cho anh H theo đúng quy định của pháp luật. Đến phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh Trần Văn H không có mặt như vậy, anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định. Về nội dung: Đối với quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Trần Thị NQ phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị và anh H là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Trần Thị NQ được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần KL, sinh 11/7/2017. Khi ly hôn: Theo chị Q thì từ khi sinh con chị vẫn có trách nhiệm nuôi dưỡng con và khi ly hôn, chị vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu KL và vì anh H làm lái xe thuê có đủ điều kiện đóng góp nên chị yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung với mức 4.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Tại phiên tòa vì anh H vắng mặt nên chị xin rút yêu cầu và chưa đề nghị anh H đóng góp nuôi con chung. Trước đây, anh H yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con và chưa yêu cầu chị Q phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy cả chị Q và anh H đều có quyền nuôi con và đều có điều kiện vẫn có việc làm và có thu nhập đủ để nuôi dưỡng giáo dục con khi ly hôn; Tuy nhiên vì cháu KL là con gái, tuổi còn nhỏ rất cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với mẹ nên : Giao cháu Trần KL cho chị Trần Thị NQ nuôi dưỡng giáo dục và chấp nhận sự tự nguyện của chị Q chưa yêu cầu anh Trần Văn H phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật. Về tài sản chung - công nợ: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Chị Q xin tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Trần Thị NQ và bị đơn anh Trần Văn H cùng trú tại khu TP, thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là khu TP, xã TL, tỉnh Phú Thọ*); nên chị Trần Thị NQ khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh Trần Văn H là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết anh Trần

Văn H đã có cố tình trốn tránh dù đã được tổng đạt các văn bản tổ tụng theo đúng quy định nên tại phiên tòa lần thứ hai anh không có mặt không có lý do. Như vậy anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tại Tòa, việc xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị NQ và anh Trần Văn H chung sống và kết hôn với nhau tháng 2/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn MĐ, huyện TL, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xã TL, tỉnh Phú Thọ*). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp, vợ chồng không chịu nhường nhịn nhau khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Cả hai đã âm thầm chịu đựng mong cho con có một gia đình và một mái ấm và hy vọng với thời gian vợ chồng sẽ thay đổi nhưng cả chị Q và anh H vẫn không thay đổi vẫn cho rằng bên kia không hề quan tâm đến vợ (chồng) và gia đình mình. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Xét hôn nhân giữa chị Trần Thị NQ và anh Trần Văn H từ sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp; anh Trần Văn H và chị Trần Thị NQ không hợp tính cách; vợ chồng chung sống không hạnh phúc nhưng anh chị không có giải pháp gì để vợ (chồng) mình tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc; Hiện cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Trần Thị NQ được ly hôn anh Trần Văn H là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần KL, sinh ngày 11/7/2017. Hiện cháu đang ở với ông bà Ngoại và được mẹ chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục tốt; chị Q đang có việc làm và thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con; Anh Trần Văn H cũng cho rằng mình có việc làm và thu nhập đảm bảo để nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử xác định : Quyền nuôi dưỡng giáo dục con là quyền của cả bố và mẹ. Nay cả hai anh chị đều xin được nuôi dưỡng giáo dục con và chị Q cho rằng : Từ khi sinh con chị vẫn có trách nhiệm nuôi dưỡng con và khi ly hôn, chị vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu KL và vì anh H làm lái xe thuê có đủ điều kiện đóng góp nên chị yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung với mức 4.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Tuy nhiên vì anh Trần Văn H cố tình trốn tránh nên chị Q xin rút yêu cầu chưa đề nghị anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của chị Trần Thị NQ thấy cần chấp nhận là có cơ sở. Xét thấy: cháu Trần KL là con gái, tuổi còn nhỏ rất cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ ; Cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ và hiện đang sống cùng mẹ với ông bà Ngoại đang được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục tốt và không nên sáo trộn cuộc sống và việc học tập của cháu. Vì thế nên : Giao cháu Trần KL cho chị Trần Thị NQ nuôi dưỡng giáo dục và chấp nhận sự tự nguyện của chị Q chưa yêu cầu anh Trần Văn H phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung: Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[4]Về tài sản chung – công nợ chung : Đương sự xác định không có và không đề nghị Toà giải quyết. Đây là ý chí của đương sự nên Toà không đề cập.

[5]Về án phí: Chị Trần Thị NQ xin tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81,82,83 ; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227 ; 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị NQ được ly hôn với anh Trần Văn H.

[2]-Về con chung : Vợ chồng có 01 con là Trần KL, sinh ngày 11/7/2017. Khi ly hôn. Giao cháu Trần KL cho chị Trần Thị NQ nuôi dưỡng giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị NQ chưa yêu cầu anh Trần Văn H phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung ; Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[3]Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[4]- Về án phí: Chị Trần Thị NQ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Thi hành án Dân sự Phú Thọ theo biên lai số: **0002104 ngày 09/9/2025**, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kết quả xét xử được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã TL-Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng